

Khảo sát tình hình thực tế của gia đình đa văn hóa trên toàn quốc năm 2021

2. Người kết hôn nhập cư và người nhập quốc tịch, v.v



Điều 33 Luật Thống kê (Bảo vệ bí mật)

- ① Đây là nội dung cung cấp trong quá trình thực hiện thống kê, thuộc bí mật của cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức tuyệt đối phải được bảo mật.
- ② Tài liệu thuộc về bí mật của cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức được thu thập cho việc thống kê, không được sử dụng với mục đích ngoài mục đích thống kê.

Bộ Phụ nữ & Gia đình đang thực hiện “Khảo sát tình hình thực tế của gia đình đa văn hóa trên toàn quốc năm 2021” nhằm sử dụng làm tài liệu xây dựng chính sách hỗ trợ cho gia đình đa văn hóa.

Khảo sát này được thực hiện theo Luật Hỗ trợ gia đình đa văn hóa, rất mong nhận được sự hợp tác tích cực cho khảo sát này của anh/chị khi nhân viên khảo sát đến nhà.

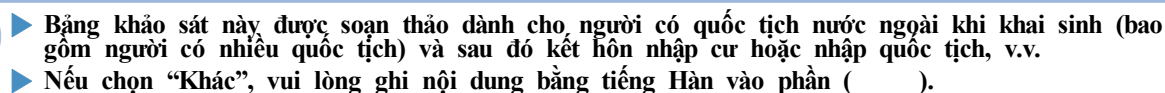
※ Nội dung trả lời được tuyệt đối bảo mật theo Điều 39 (Quy tắc xử phạt) và Điều 33 (Bảo vệ bí mật) của Luật Thống kê.

※ 표지 부분은 조사원이 기입합니다.

주 소	_____ 시·도 _____ 시·군·구 _____ 로 (길) _____		
	공동주택명 _____ 동 _____ 호		
관 리 사 항	행정구역 분류 코드	세대 번호	응답 가구원 번호
	<div> <div></div> <div></div> </div> <div> <div></div> <div></div> </div> <div> <div></div> <div></div> </div>	<div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> </div>	<div> <div>0</div> <div>1</div> </div>

가구원 성 명		조사표 종류	① 한국어 ② 외국어()
가구당 조사표 부 수	총 ()부 중 ()부	지역조사본부 (지역센터명)	
조사표 기 입 방 법	① 조사원 면접식 ② 자기 기입식	조사원 성명	
응 답 소 요 시 간	① 20분 이내 ③ 41분 ~ 50분 ② 21분 ~ 40분 ④ 51분 이상	연 락 처	





Tình trạng hôn nhân

1 Tình trạng hôn nhân hiện tại của anh/chị tương ứng với câu trả lời nào sau đây?

- ① Độc thân → Đi đến câu **18** ③ Vợ/chồng đã qua đời → Đi đến câu **1-2**
- ② Có vợ/chồng (bao gồm trường hợp chưa đăng ký kết hôn) → Đi đến câu **1-1** ④ Ly hôn/ Ly thân → Đi đến câu **1-3**

1-1 Hiện tại, anh/chị có đang **sống cùng** với vợ/chồng không?

- ① Có ② Không (chỉ gặp cuối tuần, v.v) → Trả lời rồi đi đến câu 2

1-2 Vợ/chồng của anh/chị qua đời khi nào?

Năm

--	--	--	--

 → Trả lời rồi đi đến câu 11

1-3 Anh/chi đã **ly hôn/ ly thân** từ khi nào?

Năm

--	--	--	--

1-4 Lý do lớn nhất của việc ly hôn/ ly thân của anh/chị là gì? Vui lòng **chỉ chọn 1** câu trả lời.

- ① Vấn đề tình cảm như ngoại tình, v.v
- ② Khác biệt về tính cách
- ③ Khác biệt về văn hóa
- ④ Mâu thuẫn với gia đình của vợ/chồng
- ⑤ Vấn đề kinh tế
- ⑥ Vấn đề con cái
- ⑦ Ngược đãi, bạo hành
- ⑧ Rượu chè, cờ bạc
- ⑨ Bệnh thần kinh nghiêm trọng
- ⑩ Vợ/chồng bỏ nhà đi
- ⑪ Khác()

Chỉ trả lời câu hỏi sau nếu anh/chị đang ly hôn/ ly thân và **có con từ 18 tuổi trở xuống (sinh sau 1.8.2002)**. Nếu không có con, vui lòng đi đến câu **11**.

1-5 Ai là người chủ yếu nuôi dạy con cái?

- ① Bản thân → Đi đến câu **1-5-1** ② Vợ/chồng → Đi đến câu **1-5-2** ③ Khác

1-5-1 Anh/chi nhận **tiền nuôi con** từ vợ/chồng trước như thế nào?

- ① Nhận liên tục đều đặn ④ Trước đây không nhận nhưng gần đây thì bắt đầu nhận
② Nhận toàn bộ trong 1 lần ⑤ Chưa từng nhận một lần nào
③ Trước đây có nhận nhưng gần đây thì không nhận được nữa

▶▶ Trả lời rồi đi đến câu **11**

1-5-2 Anh/chị chủ yếu **liên lạc** với con bằng cách nào?

- ① Tôi gặp các con theo định kỳ.
- ② Tôi gặp con vào những khi có việc đặc biệt.
- ③ Tôi (không gặp) liên lạc qua email, điện thoại di động, điện thoại bàn.
- ④ Tôi (không trực tiếp liên lạc) nghe thông tin qua người thân hai bên gia đình.
- ⑤ Tôi không biết thông tin về con cái, không liên lạc.

Phụ lục: Ly thân là trường hợp ly thân sống riêng do bất hòa gia đình (ngoại trừ trường hợp vợ chồng gặp nhau cuối tuần, v.v)

▶▶ Trả lời rồi đi đến câu **11**

Sinh hoạt vợ chồng

2 Anh/chị trung bình một ngày **nói chuyện với vợ/chồng** bao nhiêu tiếng? (Bao gồm điện thoại, nhắn tin, kakao talk, mạng xã hội SNS, email, v.v)

- ① Hoàn toàn không nói chuyện ④ 1 tiếng ~ dưới 2 tiếng
② Dưới 30 phút ⑤ Từ 2 tiếng trở lên
③ 30 phút ~ dưới 1 tiếng

3 Anh/chị **hài lòng như thế nào** về quan hệ gia đình?

Nội dung	Rất hài lòng	Hơi hài lòng	Bình thường	Gần như không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng	Không có câu trả lời phù hợp
1) Vợ/chồng	①	②	③	④	⑤	
2) Bố mẹ của vợ/chồng	①	②	③	④	⑤	⑥ (Không có bố mẹ)
3) Bố mẹ của anh/chị	①	②	③	④	⑤	⑥ (Không có bố mẹ)

4 Trong gia đình anh/chị, các việc sau **chủ yếu do ai làm?**

Nội dung	Luôn luôn là tôi làm	Đa phần là tôi làm	Cả hai như nhau	Đa phần là vợ/chồng của tôi làm	Luôn luôn là vợ/chồng của tôi làm	Một người khác trong gia đình	Không có câu trả lời phù hợp
1) Việc nhà	①	②	③	④	⑤	⑥	
2) Chăm sóc con cái	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦ (Không có con cái)
3) Chăm sóc gia đình ngoài con cái	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦ (Không có gia đình nào khác ngoài con cái)
4) Quản lý tài sản như tiết kiệm, vay nợ, v.v	①	②	③	④	⑤	⑥	

5 Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị **cảm nhận thế nào về khác biệt văn hóa** khi sống cùng với vợ/chồng?

- ① Hoàn toàn không
② Đôi khi
③ Thường xuyên
④ Rất thường xuyên

5-1 Khác biệt văn hóa lớn nhất anh/chị cảm nhận được là gì? Vui lòng **chỉ chọn 3** câu trả lời.

, ,

- ① Thói quen ăn uống ⑥ Lễ nghi trong gia đình như các sự kiện gia đình
② Thói quen ăn mặc như về trang phục ⑦ Hiểu biết về sinh hoạt tôn giáo
③ Phương pháp nuôi dạy con cái ⑧ Khác biệt về thu chi kinh tế như tiết kiệm, chi tiêu, v.v
④ Cách phân chia việc nhà ⑨ Giao tiếp
⑤ Cách phụng dưỡng bố mẹ ⑩ Khác ()

6 Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị có **tranh cãi** với **vợ/chồng** không?

① Có → Đi đến câu **6-1**

② Không → Đi đến câu **7**

6-1 Lý do tranh cãi nhiều nhất trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021) là gì?
Vui lòng **chọn 2 lý do quan trọng nhất theo thứ tự**.

Số 1: , Số 2:

- | | |
|--|--|
| ① Tính cách hoặc cách tư duy, giá trị quan của vợ/chồng | ⑦ Vấn đề liên quan đến gia đình của vợ/chồng |
| ② Vấn đề nuôi dạy con cái | ⑧ Vấn đề liên quan đến gia đình của bản thân |
| ③ Vấn đề kinh tế như chi phí sinh hoạt | ⑨ Đời sống tình dục của vợ/chồng |
| ④ Khó khăn trong giao tiếp ngôn ngữ | ⑩ Vợ/chồng mắng chửi, bạo hành |
| ⑤ Khác biệt về văn hóa, tôn giáo | ⑪ Khác () |
| ⑥ Thói quen sinh hoạt của vợ/chồng (uống rượu, về nhà muộn, v.v) | |

7 Khi phát sinh **vấn đề** giữa vợ chồng, anh/chị chủ yếu làm thế nào?

Vui lòng chỉ chọn **2 cách sử dụng nhiều nhất theo thứ tự**.

Số 1: , Số 2:

- | | |
|--|--|
| ① Tôi chịu đựng. | ⑤ Tôi nói chuyện với người xung quanh (bạn bè, người thân, v.v). |
| ② Tôi thử một mình tìm cách giải quyết vấn đề. | ⑥ Tôi tư vấn với chuyên gia. |
| ③ Tôi làm việc khác để quên đi (mua sắm, tập thể dục, uống rượu, hoạt động tôn giáo, v.v). | ⑦ Khác () |
| ④ Tôi cùng vợ/chồng giải quyết vấn đề. | |

Gặp gỡ và kết hôn

8 Anh/chị **sống cùng** với **vợ/chồng** **từ khi nào?**

※ Vui lòng ghi năm thực tế bắt đầu sống chung dù chưa đám cưới hay đăng ký kết hôn.

Năm

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

9 Đây là **kết hôn lần đầu tiên** của anh/chị? Hay **tái hôn**?

- ① Kết hôn lần đầu tiên ② Tái hôn

10 Anh/chị **đã gặp** vợ/chồng mình **như thế nào?**

- | | |
|---|------------------------|
| ① Qua giới thiệu của gia đình hoặc người thân | ④ Qua tổ chức tôn giáo |
| ② Qua giới thiệu của bạn bè hay đồng nghiệp | ⑤ Tự gặp nhau |
| ③ Qua công ty môi giới hôn nhân (hoặc người môi giới) | ⑥ Khác () |

☞ Chỉ trả lời các câu hỏi sau nếu con của anh/chị từ 24 tuổi trở xuống. Nếu không có con hoặc tất cả con đều từ 25 tuổi trở lên (sinh trước 31.07.1996), vui lòng đi đến câu 18.

Vai trò của bố mẹ và nuôi dạy con cái

11 Anh/chị nghĩ thế nào về bản thân trong vai trò bố mẹ?

Nội dung	Rất tốt	Gần như tốt	Bình thường	Gần như không tốt	Hoàn toàn không tốt
1) Tôi giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến quan hệ với con cái.	①	②	③	④	⑤
2) Tôi biết rõ kiến thức và phương pháp cần thiết để trở thành bố mẹ tốt.	①	②	③	④	⑤
3) Tôi biết rõ con mình đang gặp phải vấn đề gì hơn ai hết.	①	②	③	④	⑥

12 Anh/chị hài lòng thế nào về quan hệ với con cái?

- ① Rất hài lòng ③ Bình thường ⑤ Hoàn toàn không hài lòng
② Hơi hài lòng ④ Gần như không hài lòng

13 Anh/chị có từng đón bố mẹ/anh chị em đang ở Việt Nam đến Hàn Quốc để giúp nuôi dạy con hoặc gửi con về Việt Nam cho bố mẹ/anh chị em chưa? Hãy chọn tất cả câu trả lời phù hợp.

- ① Tôi đã từng đón bố mẹ/anh chị em ở Việt Nam đến Hàn Quốc.
② Tôi đã từng gửi con về cho bố mẹ/anh chị em ở Việt Nam.
③ Không có

☞ Chỉ trả lời các câu hỏi sau nếu anh/chị có con từ 5 tuổi trở xuống (sinh sau 01.08.2015). Nếu không có, vui lòng đi đến câu 16.

14 Với tư cách là bố mẹ của trẻ từ 5 tuổi trở xuống, anh/chị nghĩ điều gì là khó khăn nhất trong các câu sau? Vui lòng chỉ chọn 1 câu trả lời.

- ① Khác biệt ý kiến với vợ/chồng hay gia đình về nuôi dạy con cái ⑤ Mọi người xung quanh xem thường ý kiến của tôi về nuôi dạy con cái
② Khó tìm được người giúp chăm sóc con cái khi tôi bận hoặc bị ốm ⑥ Khác ()
③ Khó trực tiếp dạy tiếng Hàn cho con ⑦ Không có khó khăn
④ Không biết rõ về nhà trẻ, mẫu giáo, trường học (của Hàn Quốc)

15 Vợ chồng của anh/chị phân chia thế nào về việc chăm sóc trẻ chưa đến tuổi đi học từ 5 tuổi trở xuống?

Nội dung	Luôn luôn là tôi làm	Đa phần là tôi làm	Cả hai như nhau	Đa phần là vợ/chồng của tôi làm	Luôn luôn là vợ/chồng của tôi làm	Không có vợ/chồng
1) Ăn mặc ở (cho ăn, thay quần áo, cho đi ngủ, tắm rửa, v.v.)	①	②	③	④	⑤	⑥
2) Vui chơi (chơi cùng, đọc sách, v.v.)	①	②	③	④	⑤	⑥

☞ Chỉ trả lời câu hỏi sau nếu anh/chị có con từ 6 tuổi ~ 24 tuổi (sinh từ 01.08.1996 ~ 31.07.2015). Nếu không có, vui lòng đi đến câu 18 **18**.

16 Trong quá trình nuôi dạy con cái, với tư cách là bố mẹ, anh/chị cảm thấy điều khó khăn nhất là gì? Vui lòng chỉ chọn 2 câu trả lời theo thứ tự.

Số 1: , Số 2:

- ① Gánh nặng chi phí cho con cái như tiền học, tiền tiêu vặt, v.v
- ② Thiếu thông tin về việc học, học lên cao, tương lai của con cái
- ③ Khó khăn trong hướng dẫn học tập, quản lý việc học của con
- ④ Thiếu trò chuyện với con
- ⑤ Khó tham gia hoạt động phụ huynh như hội phụ huynh, hoạt động tình nguyện, v.v
- ⑥ Mâu thuẫn với con cái về chơi game, sử dụng smart-phone, internet
- ⑦ Vấn đề uống rượu, hút thuốc, bỏ nhà đi của con cái
- ⑧ Khác ()
- ⑨ Không có khó khăn

17 Kinh nghiệm của anh/chị về việc học online của con do COVID-19 thế nào? Vui lòng trả lời các câu hỏi sau.

Nội dung	Rất đúng	Gần như đúng	Bình thường	Gần như không đúng	Hoàn toàn không đúng
1) Việc mua trang thiết bị để học online là một gánh nặng.	①	②	③	④	⑤
2) Tôi gặp khó khăn vì không biết cách kết nối các chương trình học online.	①	②	③	④	⑤
3) Tôi lo lắng con không theo kịp bài học vì học online.	①	②	③	④	⑤
4) Tôi lo lắng vì con hình như chỉ chơi game trên internet/ điện thoại hoặc sử dụng điện thoại di động thôi.	①	②	③	④	⑤

Thích nghi với cuộc sống Hàn Quốc

18 Khả năng tiếng Hàn của anh/chị ở mức độ nào?

Nội dung	Rất tốt	Hơi tốt	Bình thường	Không tốt	Hoàn toàn không tốt
1) Nói	①	②	③	④	⑤
2) Nghe	①	②	③	④	⑤
3) Đọc hiểu	①	②	③	④	⑤
4) Viết	①	②	③	④	⑤

19 Anh/chị đã từng thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK) chưa?

① Có → Đi đến câu **19-1**

② Không → Đi đến câu **20**

19-1 Kết quả thi của anh/chị ở cấp mấy?

- ① Cấp 1
- ② Cấp 2
- ③ Cấp 3
- ④ Cấp 4
- ⑤ Cấp 5
- ⑥ Cấp 6
- ⑦ Không có cấp nào

20 Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), khó khăn của anh/chị đã gặp phải khi sống ở Hàn Quốc là gì? Vui lòng chỉ chọn **3 câu trả lời** trong các câu sau.

- ① Cô đơn
- ② Mâu thuẫn trong gia đình
- ③ Nuôi dạy con cái
- ④ Sử dụng cơ quan công quyền (trung tâm cộng đồng, trung tâm hành chính & phúc lợi) hoặc ngân hàng
- ⑤ Khó khăn về kinh tế
- ⑥ Vấn đề ngôn ngữ
- ⑦ Khác biệt về văn hóa như cách sinh hoạt, phong tục, món ăn, v.v
- ⑧ Thành kiến và phân biệt đối xử
- ⑨ Làm quen bạn bè, hàng xóm
- ⑩ Khác ()
- ⑪ Không có khó khăn

21 Khi gặp các trường hợp sau, anh/chị có người giúp đỡ nào khác ngoài gia đình không?

Nội dung	Có (*Vui lòng chọn tất cả)			Không có	Không có câu trả lời phù hợp
	Người Việt Nam	Người, Hàn Quốc	Người nước ngoài khác		
1) Người cùng thảo luận khi bản thân hay gia đình gặp khó khăn	①	②	③	④	
2) Người thảo luận về việc làm	①	②	③	④	⑤
3) Người thảo luận về giáo dục con cái	①	②	③	④	⑤ (Không có con)
4) Người cùng chia sẻ sở thích hay thời gian rảnh	①	②	③	④	
5) Người giúp đỡ khi bị ốm	①	②	③	④	
6) Người giúp chăm sóc con cái khi có việc nguy cấp như bị COVID-19	①	②	③	④	⑤ (Không có con từ 9 tuổi trở xuống)

22 Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị có từng tham gia các hội nhóm hay hoạt động sau không? Hoặc anh/chị có muốn tham gia các hoạt động hội nhóm sau không?

Nội dung	22-1 Đã từng tham gia			22-2 Sau này sẽ tham gia		
	Có	Không	Không có câu trả lời phù hợp	Muốn tham gia	Không muốn tham gia	Không có câu trả lời phù hợp
1) Nhóm của phụ huynh	①	②	⑤ (Không có con đang học cấp 1,2,3)	①	②	⑤ (Không có con đang học cấp 1,2,3)
2) Nhóm bạn người Việt Nam	①	②		①	②	
3) Hội nhóm của người dân địa phương (như hội phụ nữ, hợp tổ dân phố, sự kiện của làng xóm, đại hội thể thao, v.v)	①	②		①	②	
4) Hoạt động tôn giáo	①	②		①	②	
5) Hoạt động của tổ chức dân sự (như tổ chức hỗ trợ người nhập cư, tổ chức môi trường, tổ chức phụ nữ, v.v)	①	②		①	②	
6) Hoạt động chính trị, công đoàn, v.v	①	②		①	②	

23 Anh/chị có khó khăn gì khi tham gia các hội nhóm và hoạt động không?

Nếu có, vui lòng chỉ chọn **3 câu trả lời**.

- | | |
|---------------------------------------|--|
| ① Không giỏi tiếng Hàn | ⑥ Không có người cùng tham gia |
| ② Vợ/chồng hoặc gia đình phản đối | ⑦ Thiếu thông tin về hội nhóm, hoạt động |
| ③ Mọi người dường như không thích tôi | ⑧ Không có hội nhóm tôi muốn tham gia |
| ④ Phải chăm sóc gia đình | ⑨ Khác (_____) |
| ⑤ Phải làm việc | ⑩ Không có khó khăn |

Kinh nghiệm bị phân biệt đối xử

24 Anh/chị có nghĩ rằng vì COVID-19 mà việc chán ghét hay phân biệt đối xử với người nước ngoài, người nhập cư trong xã hội Hàn Quốc đã trở nên nghiêm trọng hơn không?

- ① Rất đúng

② Gần như đúng

③ Bình thường

④ Gần như không đúng

⑤ Hoàn toàn không đúng

25 Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị có từng bị phân biệt đối xử vì xuất thân từ nước ngoài khi sống ở Hàn Quốc không?

- [illegible]

25-1 Trong các địa điểm sau, anh/chị **bị phân biệt đối xử** ở mức độ nào?

Nội dung	Rất thường xuyên bị phân biệt	Thường xuyên bị phân biệt	Thỉnh thoảng bị phân biệt	Hoàn toàn không bị phân biệt	Chưa từng đến nơi này
1) Trên đường hay trong khu phố	①	②	③	④	
2) Cửa hàng, quán ăn, ngân hàng, v.v	①	②	③	④	⑤
3) Cơ quan công quyền (trung tâm cộng đồng, sở cảnh sát, v.v)	①	②	③	④	⑤
4) Nơi làm việc	①	②	③	④	⑤
5) Trường học hoặc cơ sở nuôi dạy trẻ của con	①	②	③	④	⑤
6) Gia đình (ở nhà hay nhà người thân)	①	②	③	④	

25-2 Khi bị phân biệt đối xử, anh/chị đã **cư xử như thế nào?** Vui lòng chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.

- ① Yêu cầu đối phương xin lỗi
- ② Thảo luận với gia đình, bạn bè
- ③ Hỏi cơ quan/ trung tâm tư vấn
- ④ Khai báo lên cơ quan về xử lý phân biệt đối xử
- ⑤ Đăng bài lên internet, SNS, blog, v.v
- ⑥ Chịu đựng
- ⑦ Khác ()

Kinh nghiệm và yêu cầu tham gia dịch vụ

- 26** Trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021) hoặc cho đến hiện tại, anh/chị có từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ hoặc giáo dục sau không? Hoặc hiện tại, anh/chị nghĩ dịch vụ hỗ trợ hoặc giáo dục sau cần thiết như thế nào?

Nội dung	26-1 Kinh nghiệm sử dụng dịch vụ			26-2 Tính cần thiết dịch vụ				
	Có sử dụng trong vòng 1 năm gần đây	Có từng sử dụng nhưng trong 1 năm gần đây thì không	Chưa từng sử dụng lần nào	Rất cần thiết	Hơi cần thiết	Bình thường	Gần như không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết
1) Giáo dục trước khi nhập cảnh để chuẩn bị cho cuộc sống ở Hàn Quốc (như dạy tiếng Hàn, v.v)	①	②	③	①	②	③	④	⑤
2) Các hình thức giáo dục đến tận nhà (như dạy tiếng Hàn, giáo dục bố mẹ, sinh hoạt và học tập của con cái, v.v)	①	②	③	①	②	③	④	⑤
3) Giáo dục để thích nghi với tiếng Hàn và xã hội Hàn Quốc	①	②	③	①	②	③	④	⑤
4) Hỗ trợ dịch vụ thông biên dịch	①	②	③	①	②	③	④	⑤
5) Hỗ trợ khi mang thai và sinh con	①	②	③	①	②	③	④	⑤
6) Giáo dục bố mẹ	①	②	③	①	②	③	④	⑤
7) Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, dạy 2 ngôn ngữ cho con	①	②	③	①	②	③	④	⑤
8) Hỗ trợ sinh hoạt và học tập của con cái	①	②	③	①	②	③	④	⑤
9) Hỗ trợ hoạt động xã hội (như hội nhóm tự quản)	①	②	③	①	②	③	④	⑤
10) Các loại tư vấn (như tư vấn quan hệ gia đình, tư vấn pháp luật về visa và nhập tịch, v.v)	①	②	③	①	②	③	④	⑤
11) Hỗ trợ học lên cao ở Hàn Quốc (như thi đánh giá năng lực)	①	②	③	①	②	③	④	⑤
12) Đào tạo nghề	①	②	③	①	②	③	④	⑤
13) Giới thiệu việc làm	①	②	③	①	②	③	④	⑤
14) Hỗ trợ khởi nghiệp	①	②	③	①	②	③	④	⑤

- 27** Anh/chị có biết về các cơ sở sau không? Nếu biết, anh/chị có từng sử dụng trong suốt một năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021) hoặc cho đến hiện tại chưa?

Nội dung	Có biết			Không biết
	Có sử dụng trong vòng 1 năm gần đây	Có từng sử dụng nhưng trong 1 năm gần đây thì không	Chưa từng sử dụng lần nào	
1) Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa/ Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa & gia đình khỏe mạnh	①	②	③	④
2) Trung tâm Danuri (1577-1366)	①	②	③	④
3) Trung tâm cộng đồng, trung tâm hành chính & phúc lợi	①	②	③	④
4) Trung tâm việc làm mới dành cho phụ nữ, trung tâm hỗ trợ phụ nữ của chính phủ (hội phụ nữ, trung tâm phát triển phụ nữ, v.v)	①	②	③	④
5) Trung tâm tuyển dụng, trung tâm phúc lợi & tuyển dụng +	①	②	③	④
6) Cơ quan phúc lợi xã hội	①	②	③	④
7) Tổ chức hỗ trợ người nước ngoài khác (trung tâm giao lưu quốc tế, tổ chức tôn giáo, trung tâm người lao động, trung tâm tư vấn, v.v)	①	②	③	④

Kinh nghiệm làm việc tại Hàn Quốc

- 28** Anh/chị có từng làm việc ở Hàn Quốc chưa? Nếu có, năm đầu tiên bắt đầu làm việc ở Hàn Quốc là khi nào?

Ý nghĩa của “làm việc”

Có một trong các nội dung sau được xem là “làm việc”.

- 1) Làm việc từ **1 tiếng trở lên** để kiếm tiền
- 2) Không nhận tiền nhưng làm việc từ **18 tiếng trở lên** ở cửa hàng hay nhà máy, nông trại của gia đình kinh doanh
- 3) Làm việc ở nhà, làm thêm từ 1 tiếng trở lên và có thu nhập

① Có → Năm đầu tiên bắt đầu làm việc ở Hàn Quốc: Năm

--	--	--	--

② Không có → Đi đến câu **36**

Tình hình thực tế về hoạt động kinh tế

- 29** Trong suốt một tuần qua (25.07~31.07.2021), anh/chị có làm việc từ 1 tiếng trở lên để kiếm tiền không?

① Có → Đi đến câu **30**

② Không

→

29-1 Trong suốt một tuần qua (25.07~31.07.2021), anh/chị có làm việc từ 1 tiếng trở lên và không nhận tiền tại cơ sở kinh doanh hay nông trại của gia đình không?

- ① Không làm việc
- ② Có làm việc dưới 18 tiếng
- ③ Có làm việc từ 18 tiếng trở lên

→ Đi đến câu **30**

29-2 Trong suốt một tuần qua (25.07~31.07.2021), anh/chị hiện có việc làm nhưng không đi làm không?

① Có → Đi đến câu **30**

② Không có → Đi đến câu **36**

Công việc

30 Công việc chính của anh/chị trong suốt **một tuần qua (25.07~31.07.2021)** là gì?

1) Tên công ty	VD: Quán ăn ○○
2) Chức danh (chức vụ)	VD: nhân viên thu ngân
3) Việc tôi làm	VD: tính tiền, viết hóa đơn, v.v

※ Phần điền của cơ quan khảo sát (phân loại nghề nghiệp)

31 Trong suốt **một tuần qua (25.07 ~ 31.07.2021)**, anh/chị thực tế đã làm khoảng bao nhiêu tiếng ở nơi làm việc đó?

Thời gian làm việc:

--	--	--

 tiếng

32 Công việc ở câu **30** của anh/chị tương ứng với đâu?

- | | |
|-----------------------|--|
| ① Lao động chính thức | ④ Tự kinh doanh có thuê người |
| ② Lao động tạm thời | ⑤ Tự kinh doanh không thuê người |
| ③ Lao động theo ngày | ⑥ Giúp đỡ công việc cho người trong gia đình và không có lương |

- ① Lao động chính thức: người có ký hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên hoặc vào làm công ty qua quy trình tuyển dụng quy định và được áp dụng các quy định quản lý nhân sự của công ty hoặc người được hưởng đãi ngộ về lương hưu, tiền thưởng
- ② Lao động tạm thời: người lao động có thời hạn hợp đồng từ 1 tháng trở lên ~ dưới 1 năm
- ③ Lao động theo ngày: người lao động có thời hạn hợp đồng dưới 1 tháng
- ④ Tự kinh doanh có thuê người: người có tuyển từ 1 người lao động làm việc liên tục trở lên
- ⑤ Tự kinh doanh không thuê người: người không tuyển dụng người làm việc liên tục mà làm việc 1 mình hoặc làm cùng người trong gia đình làm việc không lương
- ⑥ Người làm việc trong gia đình không lương: người làm việc một tuần từ 18 tiếng trở lên tại một cơ sở kinh doanh nhưng không nhận lương vì là gia đình, người thân của người tự kinh doanh cơ sở đó

33 Anh/chị đã tìm được công việc ở câu **30** bằng cách nào?

- | | |
|--|---|
| ① Gia đình, người thân của tôi giới thiệu | ⑥ Thông qua cơ quan giới thiệu việc làm tư nhân |
| ② Gia đình, người thân của vợ/chồng tôi giới thiệu | ⑦ Xem trên phương tiện truyền thông (báo, tạp chí, v.v) hoặc tờ rơi quảng cáo |
| ③ Bạn bè hoặc người quen Việt Nam giới thiệu | ⑧ Bản thân tự khởi nghiệp |
| ④ Bạn bè hay hàng xóm người Hàn Quốc giới thiệu | ⑨ Khác () |
| ⑤ Cơ quan công quyền như trung tâm tuyển dụng giới thiệu | |

34 Khi làm công việc ở câu **30**, khó khăn lớn nhất anh/chị cảm nhận được là gì? Vui lòng chỉ chọn 1 câu trả lời.

- | | |
|--|--|
| ① Khó giao tiếp bằng tiếng Hàn | ⑥ Bị phân biệt đối xử với người nước ngoài |
| ② Công việc vất vả và nguy hiểm | ⑦ Khó khăn trong nuôi dạy con cái |
| ③ Thời gian làm việc quá dài | ⑧ Khó làm việc nhà |
| ④ Tiền lương ít | ⑨ Khác () |
| ⑤ Gặp vấn đề với cấp trên hoặc đồng nghiệp | ⑩ Không có khó khăn |

35 Trong suốt 3 tháng qua (01.05 ~ 31.07.2021), tiền lương trung bình một tháng (trước thuế) hoặc tiền công anh/chị nhận được khi làm công việc ở câu **30** là bao nhiêu?

- | | | |
|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| ① Dưới 500 nghìn won | ⑤ 2 triệu ~ dưới 2,5 triệu won | ⑨ 4 triệu ~ dưới 4,5 triệu won |
| ② 500 nghìn ~ dưới 1 triệu won | ⑥ 2,5 triệu ~ dưới 3 triệu won | ⑩ 4 triệu ~ dưới 4,5 triệu won |
| ③ 1 triệu ~ dưới 1,5 triệu won | ⑦ 3 triệu ~ dưới 3,5 triệu won | ⑪ Từ 5 triệu won trở lên |
| ④ 1,5 triệu ~ dưới 2 triệu won | ⑧ 3,5 triệu ~ dưới 4 triệu won | ⑫ Không có lương |

▶▶ Trả lời rồi đi đến câu **39**

Tìm việc làm

36 Trong 4 tuần vừa qua (04.07 ~ 31.07.2021), anh/chị có thử tìm việc làm không?

- ① Đã thử tìm
② Không thử tìm → Đi đến câu **39**

37 Nếu đã tìm được việc làm vào tuần rồi (25.07 ~ 31.07.2021), anh/chị có thể bắt đầu làm việc không?

- ① Có
② Không

38 Anh/chị khi tìm việc làm ở Hàn Quốc có gặp khó khăn gì không? Nếu có, vui lòng chọn tất cả câu trả lời tương ứng.

- ① Không giỏi tiếng Hàn
② Phải chăm sóc con cái hoặc gia đình
③ Không có công việc phù hợp với mức lương hay điều kiện làm việc mong muốn
④ Gần nhà (xung quanh) không có việc làm
⑤ Học lực hay kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam không được công nhận
⑥ Thiếu kinh nghiệm làm việc ở Hàn Quốc
⑦ Thiếu thông tin về việc làm hoặc không biết cách tìm việc
⑧ Vì bị phân biệt đối xử với người nước ngoài
⑨ Gia đình phản đối
⑩ Khác ()
⑪ Không có khó khăn

39 Anh/chị có bị **thay đổi công việc** như các trường hợp sau do **COVID-19** không? Vui lòng chọn **tất cả** câu trả lời tương ứng.

※ Nhưng, nếu chọn ① thì không được chọn nhiều câu trả lời (chỉ được chọn 1).

- ① Sa thải
② (Công ty) ngừng kinh doanh
③ Nghỉ việc tạm thời
④ Không có câu trả lời tương ứng
(không thuộc ① ~ ③, không bị thay đổi, không đi làm)

V Nội dung cơ bản khác

Sử dụng ngôn ngữ

40 Đây là câu hỏi về ngôn ngữ thường xuyên sử dụng ở nhà. Vui lòng đánh dấu ✓ vào câu trả lời thích hợp trong các câu sau.

Nội dung	Rất đúng	Gần như đúng	Bình thường	Gần như không đúng	Hoàn toàn không đúng	Không có câu trả lời phù hợp
1) Gia đình của tôi khuyến khích tôi sử dụng tiếng mẹ đẻ của tôi.	①	②	③	④	⑤	① (Hộ gia đình 1 người/ Không sống cùng gia đình)
2) Gia đình của tôi khuyến khích con cái tôi sử dụng tiếng mẹ đẻ của tôi.	①	②	③	④	⑤	① (Hộ gia đình 1 người/ Không sống cùng gia đình/ Không có con)
3) Tôi thường xuyên trò chuyện với con bằng tiếng mẹ đẻ của mình.	①	②	③	④	⑤	① (Hộ gia đình 1 người/ Không sống cùng gia đình/ Không có con)

Nhận thức vai trò nam nữ

41 Anh/chị nghĩ thế nào về các nội dung sau. Vui lòng đánh dấu ✓ vào câu trả lời thích hợp trong các câu sau.

Nội dung	Rất đúng	Gần như đúng	Không đúng	Hoàn toàn không đúng
1) Sinh kế trong gia đình do nam giới chịu trách nhiệm chính.	①	②	③	④
2) Phụ nữ độc lập về kinh tế là điều quan trọng.	①	②	③	④
3) Phụ nữ phải ưu tiên việc chăm sóc con cái hơn là công việc làm của bản thân.	①	②	③	④
4) Đàn ông cũng phải có thể chăm sóc con cái khi không có sự giúp đỡ của người khác.	①	②	③	④

Tư cách lưu trú và nhập quốc tịch

42 Tư cách lưu trú hiện tại của anh/chị là gì?

- ① Định cư (F-5)
- ② Kết hôn nhập cư (F-6), vợ/chồng của người cư trú ở Hàn (F-2-1)
- ③ Cư trú (F-2, trừ F-2-1)
- ④ Thăm thân (F-1)
- ⑤ Kiềm bả ở nước ngoài (F-4)
- ⑥ Làm việc chuyên môn (E-1 đến E-7)
- ⑦ Làm việc thăm thân (H-2)
- ⑧ Khác

42-1 Anh/chị có dự định lấy tư cách Định cư ở Hàn không?

- ① Tôi sẽ lấy tư cách Định cư.
- ② Tôi không có dự định lấy tư cách Định cư.
- ③ Tôi không biết.

43 Anh/chị có dự định nhập quốc tịch Hàn Quốc không?

- ① Tôi sẽ nhập quốc tịch Hàn Quốc.
- ② Tôi không có dự định nhập quốc tịch Hàn Quốc.
- ③ Tôi không biết.

Tình hình sức khỏe và yêu cầu về dịch vụ y tế

44 Tình hình sức khỏe tổng thể của anh/chị thế nào?

- ① Rất tốt
- ② Tốt
- ③ Bình thường
- ④ Không tốt
- ⑤ Rất không tốt

45 Trong suốt 1 năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị đã từng có lúc cảm thấy buồn hay tuyệt vọng đến mức khó sinh hoạt bình thường từ 2 tuần trở lên không?

- ① Chưa từng
- ② Thỉnh thoảng
- ③ Thường xuyên
- ④ Rất thường xuyên

46 Trong suốt 1 năm qua (01.08.2020 ~ 31.07.2021), anh/chị có từng bị ốm và muốn đến bệnh viện nhưng không thể đi được không?

- ① Có
- ② Không

46-1 Nếu có, lý do lớn nhất anh/chị không thể đến bệnh viện là gì? Vui lòng **chỉ chọn 1** câu trả lời.

- ① Không giỏi tiếng Hàn
- ② Không có bệnh viện ở gần
- ③ Chi phí điều trị là một gánh nặng
- ④ Không biết phải đến bệnh viện nào
- ⑤ Quy trình sử dụng bệnh viện phức tạp
- ⑥ Bận làm việc
- ⑦ Vì phải chăm sóc con cái và làm việc nhà
- ⑧ Khác ()

Mức độ hài lòng về cuộc sống

47 Nhìn tổng thể cuộc sống, anh/chị hài lòng về cuộc sống hiện tại ở mức độ nào?

- ① Rất hài lòng
- ② Hơi hài lòng
- ③ Bình thường
- ④ Gần như không hài lòng
- ⑤ Hoàn toàn không hài lòng

Vị trí xã hội

48 Xét về nhiều mặt (thu nhập, tài sản, học vấn, nghề nghiệp, v.v), anh/chị **nghĩ gia đình của anh/chị thuộc vị trí xã hội nào sau đây?**

1 Cao ☐ ① Cao
② Thấp

2 Trung bình ☐ ① Cao
② Thấp

3 Thấp ☐ ① Cao
② Thấp

Chuẩn bị và bất an tuổi già

49 Anh/chị có đang **chuẩn bị cho cuộc sống tuổi già** của mình không? Nếu có đang chuẩn bị, hãy chọn **cái chính yếu** và **cái bổ sung thêm**.

※ Trợ cấp nhà nước (như trợ cấp đảm bảo sinh hoạt cơ bản) không phải là hình thức bản thân tự chuẩn bị cho cuộc sống tuổi già nên không bao gồm trong những điều chuẩn bị cho cuộc sống tuổi già.

① Có đang chuẩn bị

② Không chuẩn bị



Chính yếu(Thứ nhất)

Bổ sung thêm(Thứ 2)

1. Lương hưu quốc dân
2. Quỹ hưu trí công khác (như dành cho công chức, quân nhân, giáo viên, v.v)
3. Quỹ hưu trí tư nhân (lương hưu cá nhân thông qua ngân hàng, bảo hiểm, v.v)
4. Trợ cấp nghỉ việc về hưu (lương hưu nghỉ việc, quỹ hưu trí nghỉ việc về hưu)
5. Tiền gửi định kỳ, tiết kiệm, bảo hiểm dạng tiết kiệm
6. Sử dụng bất động sản
7. Cổ phần, cổ phiếu, v.v
8. Khác ()

50 Anh/chị cảm thấy **bất an hay lo lắng** thế nào về các nội dung sau **khi về già?**

Nội dung	Có	Gần như có	Bình thường	Gần như không có	Hoàn toàn không có
1) Khó khăn về kinh tế	①	②	③	④	⑤
2) Không có việc làm hoặc bất an về việc làm	①	②	③	④	⑤
3) Vấn đề sức khỏe	①	②	③	④	⑤
4) Cảm giác cô đơn hay bị xa lánh	①	②	③	④	⑤

Chân thành cảm ơn anh/chị đã dành thời gian quý báu thực hiện khảo sát này.

※ Vui lòng điền họ tên và số liên lạc của người tham gia khảo sát.

(Số liên lạc này chỉ được sử dụng với mục đích phỏng vấn khi có câu hỏi thêm về nội dung đã trả lời.)

Họ tên	
Số điện thoại di động	() - () - ()
Ngày trả lời	Ngày () tháng () năm 2021